

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 7 - 2026

*Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hoa

2. Bà Hoàng Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 429/2026/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2026 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trịnh Thị N**, sinh ngày 25/8/1984; Số CCCD: 030184005523; Địa chỉ: **Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng**.

Người đại diện theo ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng chị N: **Công ty L2** và cộng sự; Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông **Phạm Văn H**; địa chỉ: **Tầng A Tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội**.

2. *Bị đơn:* Anh **Đinh Văn T**, sinh ngày 16/5/1982; Số CCCD: 030082018016; Nơi đăng ký thường trú: **Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng**; Nơi ở hiện nay: **Đài Loan**.

*** Người làm chứng:** Bà **Phạm Thị T1**, sinh năm 1959; Địa chỉ: **Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng**.

Chị **N**, anh **T**, bà **T1** đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn - chị **Trịnh Thị N** trình bày: Chị và anh **Đinh Văn T** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (Nay là xã A, thành phố Hải Phòng)** vào ngày 27/7/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống tại gia đình nhà anh **T. C** sống được một thời gian ngắn thì anh **T** đi lao động ở nước ngoài, thỉnh thoảng mới về nước. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc. Vợ chồng thiếu sự thấu hiểu, tin tưởng, chia sẻ và quan tâm đến nhau trong cuộc sống. Khoảng hơn 1 năm trở lại đây, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Hai bên đã tìm cách khắc phục và cho nhau nhiều cơ hội nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T**. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Đinh Thị Phương A**, sinh ngày 15/01/2013 và **Đinh Trịnh Tùng L**, sinh ngày 19/9/2018. Cả hai con đều đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện tại, chị đang làm công nhân, thu nhập khoảng 12 - 13 triệu đồng một tháng, chị đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc tốt cho các con. Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng đã nhiều lần tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn - anh **Đinh Văn T** không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản nêu ý kiến quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Tại văn bản ngày 05/6/2026, cháu **Đinh Thị Phương A** và **Đinh Trịnh Tùng L** trình bày nguyện vọng muốn tiếp tục được ở với mẹ.

- Bà **Phạm Thị Thế LI** mẹ đẻ của anh **T** trình bày: Sau khi kết hôn, anh **T**, chị **N** về ở với vợ chồng bà. Được một thời gian thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng, không thống nhất được với nhau. Sau khi biết chuyện gia đình bà cũng đã khuyên giải động viên nhiều lần nhưng không được. Nay chị **N** xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị **N** để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Bà cũng cung cấp: Sau khi biết thông tin về việc Tòa án thụ lý vụ án, anh **T** đã liên lạc với bà và xác định là đồng ý ly hôn chị **N**; đồng ý giao cả hai con chung cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng. Anh và chị **N** sẽ tự thỏa thuận, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh **T** cũng không nói rõ địa chỉ cụ thể hiện tại đang ở đâu, mà chỉ nói đang ở Đài Loan, nên bà không cung cấp địa chỉ của anh **T** cho Tòa án được.

- Bà **Khúc Thị T2** (Cán bộ Tư pháp hộ tịch) cung cấp: Hiện anh **Đình Văn T** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng**. Về mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **T** địa phương không nắm được, chỉ nắm được là chị **N** không sống cùng với anh **T** và gia đình nhà chồng mấy năm nay. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 299, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trịnh Thị N**. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **N** ly hôn anh **T**. Về con chung: Xử giao cả 02 con chung là **Đình Thị Phương A**, sinh ngày 15/01/2013 và **Đình Trịnh Tùng L**, sinh ngày 19/9/2018 cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **N** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị **N**. Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị **N** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn - anh **Đình Văn T** đăng ký thường trú tại **thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng**. Chị **Trịnh Thị N** khởi kiện xin ly hôn anh **T** và đề nghị giải quyết việc nuôi con, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Chị **N** có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; anh **T** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trịnh Thị N** và anh **Đinh Văn T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng) ngày 27/7/2010. Do vậy, hôn nhân của chị **N** và anh **T** là hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2025 đến nay, hai bên sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không được. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh **T** đến Tòa án nhiều lần, nhưng anh **T** không đến, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị **N**, anh **T** một thời gian dài không sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị **N** xin ly hôn với anh **T**.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Đinh Thị Phương A**, sinh ngày 15/01/2013 và **Đinh Trịnh Tùng L**, sinh ngày 19/9/2018. Xét điều kiện, hoàn cảnh hiện tại, cháu **Phương A** và cháu **L** đang do chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Các cháu đều khỏe mạnh và được chị **N** chăm sóc, nuôi dưỡng và cho học hành đầy đủ. Chị **N** có quan điểm đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Quan điểm của chị **N** phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của vợ chồng và phù hợp với nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với mẹ của cháu **Phương A** và cháu **L**. Do vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị **N**; tiếp tục giao con chung **Đinh Thị Phương A**, sinh ngày 15/01/2013 và **Đinh Trịnh Tùng L**, sinh ngày 19/9/2018 cho chị **N**

tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

Chị **N** tự nguyện không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị **N**. Đây là ý kiến tự nguyện của chị **N**, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Anh **T** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **N** là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 299, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15.
Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trịnh Thị N**.
 - Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trịnh Thị N** ly hôn anh **Đinh Văn T**.
 - Về con chung: Có 02 con chung.

Xử giao cả 02 con chung là **Đinh Thị Phương A**, sinh ngày 15/01/2013 và **Đinh Trịnh Tùng L**, sinh ngày 19/9/2018 cho chị **Trịnh Thị N** tiếp tục nuôi dưỡng, kể từ tháng 8/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **N** không yêu cầu anh **Đinh Văn T** cấp dưỡng nuôi con chung với chị **N**.

Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị **Trịnh Thị N** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị **N** đã nộp theo biên lai thu ký

hiệu BLTU/26E số 0006206 ngày 21/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; Chị **N** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **N** có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết; anh **T** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 09-Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND xã An Phú (ĐKKH số 47 ngày 2/7/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Giang